TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÀNG LONG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 137/2018/QĐST-HNGĐ	*Càng Long, ngày 14 tháng 3 năm 2018.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 188/2018/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Bà **Từ Thị Đ**, sinh năm 1961. Nơi ĐKHKTT: ấp L, xã A, huyện C, tỉnh T. Chỗ ở: khóm A, thị trấn C, huyện C, tỉnh T.

Bị đơn: Ông **Châu Văn V**, sinh năm 1959. Địa chỉ: ấp L, xã A, huyện C, tỉnh T.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 06 tháng 3 năm 2018 về việc các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án "*Tranh chấp về ly hôn*" thụ lý số: 188/2018/TLST-HNGĐ, ngày 28 tháng 02 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06/3/2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: bà Từ Thị Đ, sinh năm 1961. Nơi ĐKHKTT: ấp L, xã A, huyện C, tỉnh T; Nơi ở: khóm A, thị trấn C, huyện C, tỉnh T với ông Châu Văn V, sinh năm 1959. Địa chỉ: ấp L, xã A, huyện C, tỉnh T.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Từ Thị Đ và ông Châu Văn V tự nguyện thuận tình ly hôn.

Về con chung: gồm 04 người tên Châu Thị Kiều C, sinh năm 1981; Châu Thị Kiều T, sinh năm 1987; Châu Thị Kiều V, sinh năm 1990 và Châu Thị Kiều D, sinh năm 1994. Các con đã trưởng thành và có cuộc sống riêng, bà Đ và ông V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung: hai bên không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về số nợ phải thu, phải trả: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Từ Thị Đ tự nguyện nộp 150.000 đồng nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số: AA/2015/0014526, ngày 23/02/2018 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Càng Long thu. Hoàn trả cho bà Từ Thị Đ150.000 đồng tiền tạm ứng án phí.

Ông Châu Văn V không phải chịu án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND huyện;
- Toà án tỉnh;
- Chi Cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN

(đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Kim Nhung